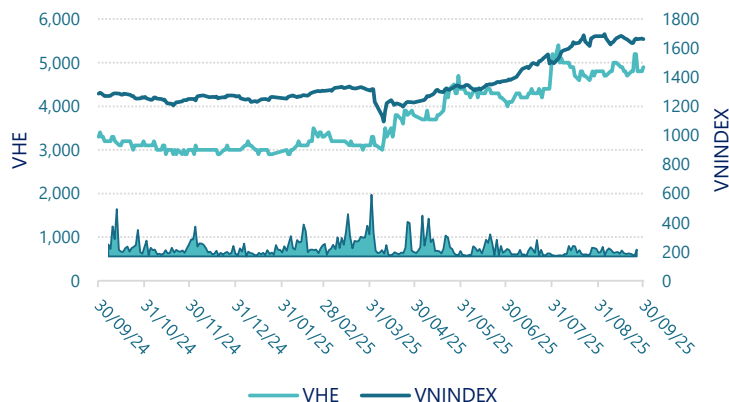


CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (HNX: VHE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	33,139,966
KLGD BQ 20 phiên (CP)	403,875
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	162
P/E	10.5
EPS	468

DT thuần

Q3/25

48.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼164 | -77.0%

YoY: ▼95.1 | -66.1%

LN sau thuế

Q3/25

2.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.82 | -77.4%

YoY: ▲ 1.83 | 244%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.7%

+/- YoY: ▲ 12.9%

DT thuần

9T 2025

419

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 45.0 | 12.0%

LN sau thuế

9T 2025

15.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.9 | 594%

ROE

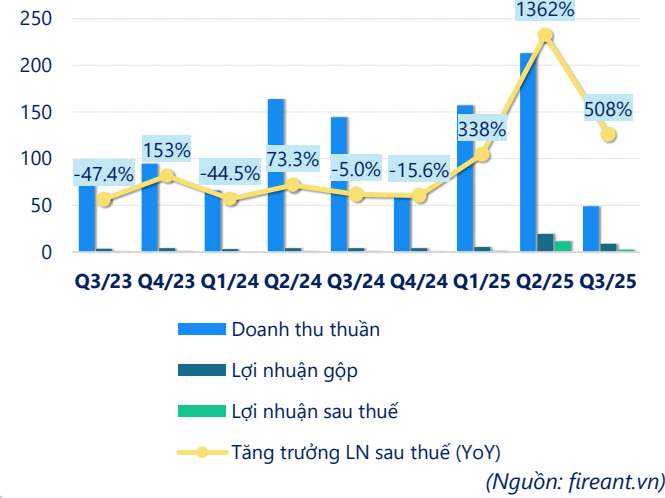
Q3/25

4.2%

+/- YoY: ▲ 3.4%

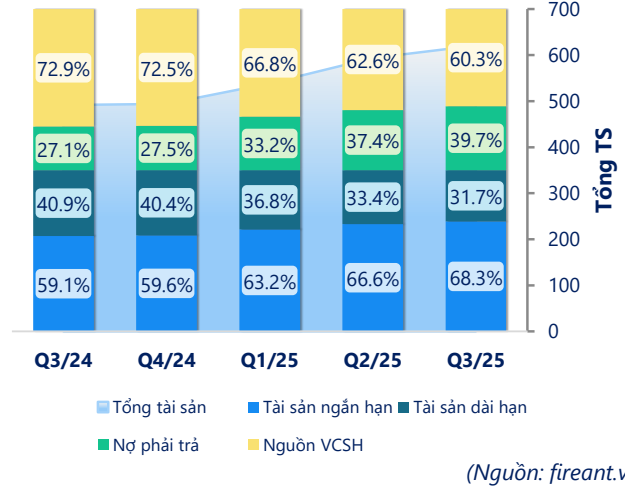
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

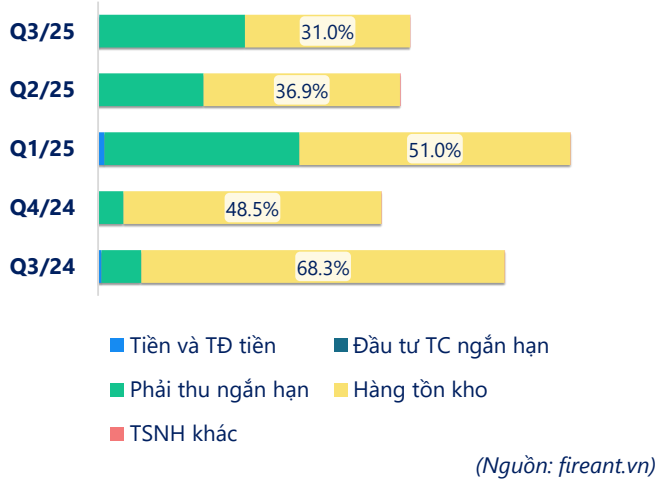


Cơ cấu Tổng tài sản

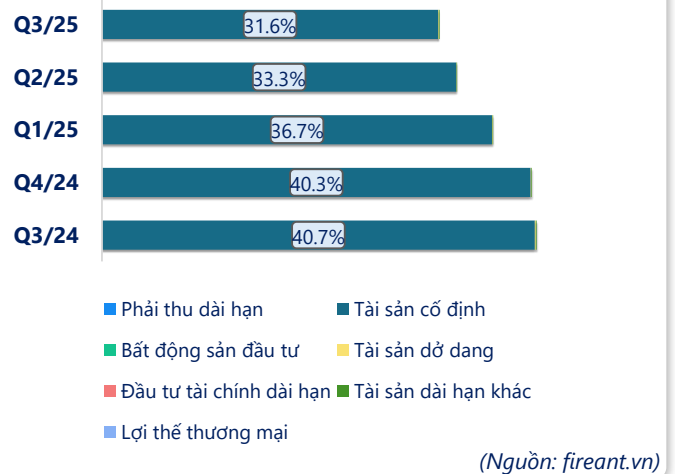
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

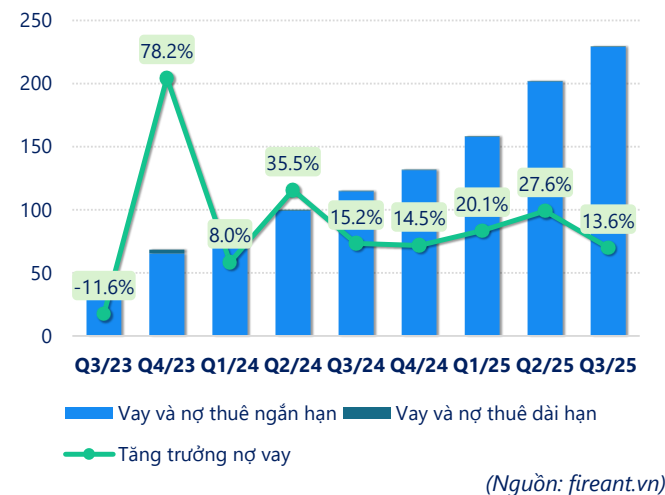


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



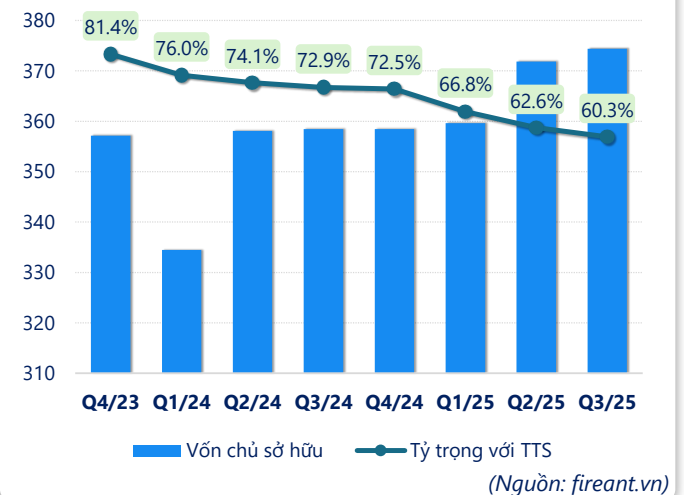
tỷ VNĐ

Nợ vay

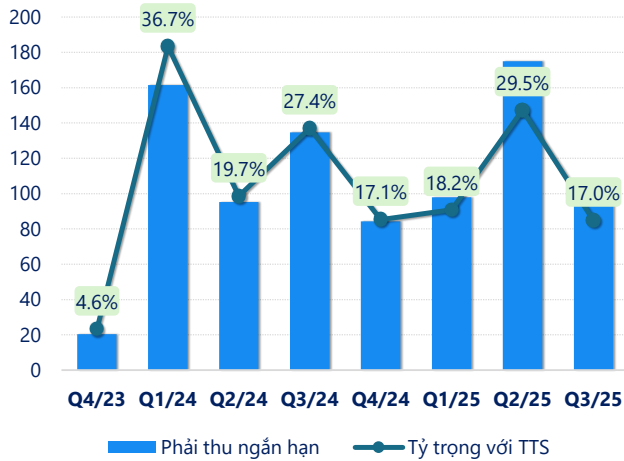


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

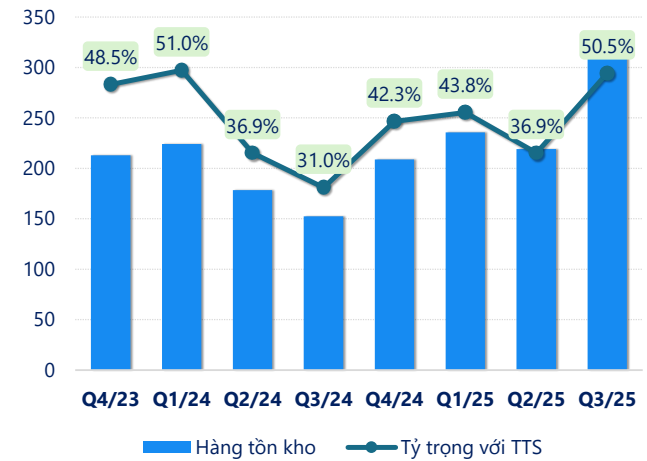


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


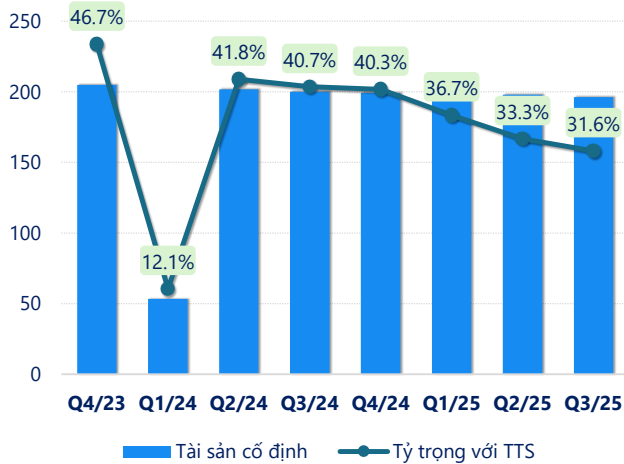
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


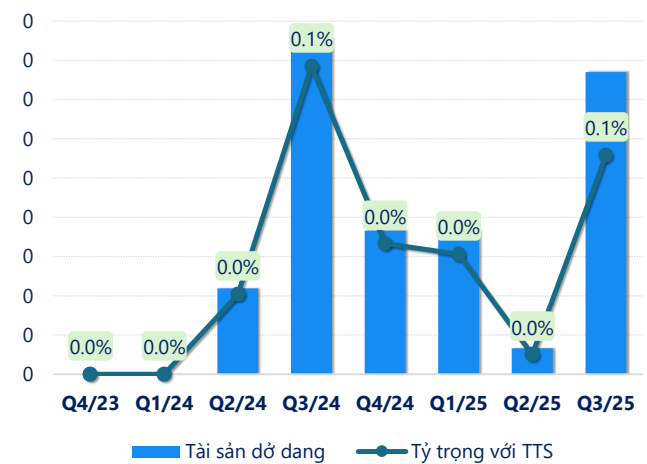
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

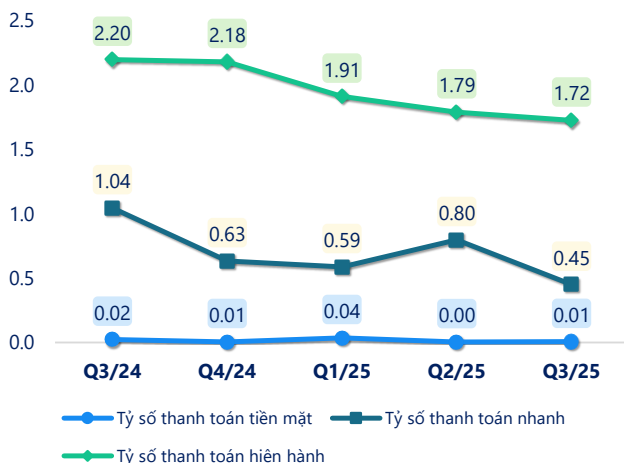
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

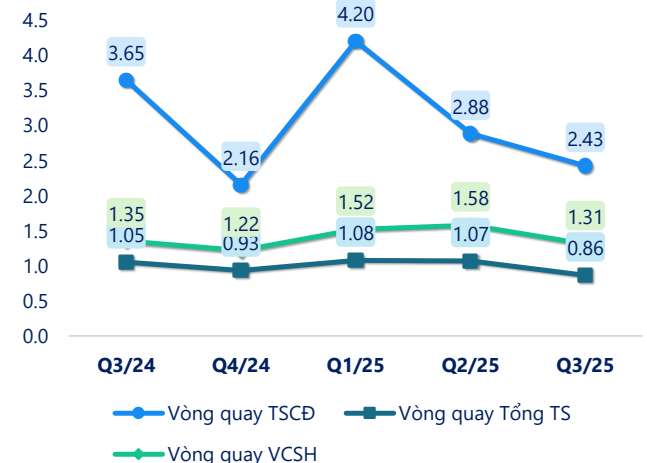
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	491	494	538	594	621
Tài sản ngắn hạn	291	294	340	396	424
Tiền và tương đương tiền	3.03	0.69	6.42	0.87	1.47
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	135	84.3	97.9	175	105
Hàng tồn kho	152	209	236	219	313
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.50	0.37	0.39	3.72
Tài sản dài hạn	201	200	198	198	197
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	200	199	198	198	196
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.43	0.18	0.18	0.03	0.38
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.34	0.33	0.32	0.33	0.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	133	136	179	222	246
Nợ ngắn hạn	132	135	178	221	246
Vay và nợ thuê ngắn hạn	115	131	158	202	229
Phải trả người bán ngắn hạn	16.8	2.22	18.6	15.2	11.8
Nợ dài hạn	0.63	0.56	0.56	0.69	0.66
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.56	0.56	0.49	0.46
Nguồn vốn chủ sở hữu	358	358	360	372	374
Vốn chủ sở hữu	358	358	360	372	374
Vốn điều lệ	331	331	331	331	331
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)